TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA - TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01/6/2022
V/v tranh chấp Hôn nhân & gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân và ông Đặng Viết Côi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Đào Thị Thùy L - sinh năm 1989 (có mặt)
* *Bị đơn*: Anh Chu Văn T - sinh năm 1977 (có mặt)
Đều có nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã H, huyện Ư, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải, chị Đào Thị Thùy L là nguyên đơn trình bày: chị và anh Chu Văn T qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Lâm năm 2019. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung. Đồng thời, trước khi kết hôn, anh T đã có vợ con và đã ly hôn. Nhiều khi anh T thiếu tôn trọng chị, hay so sánh chị với vợ cũ; anh mua sắm đồ, đón con riêng về nhà chơi nhưng không bao giờ nói chuyện với chị, anh đều tự quyết định. Chị đã nhiều lần phân tích, khuyên bảo nhưng anh không thay đổi. Chị đã cố gắng thay đổi bản thân, nhẫn nhịn để mong gia đình hạnh phúc nhưng càng chung sống thì mâu thuẫn lại càng trở lên trầm trọng hơn. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị

cương quyết xin ly hôn anh T. Về con chung: có 01 con chung là Chu Yến T1 – sinh ngày 03/01/2021. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được quyền nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hiện tại chị đang làm công nhân của công ty ở Hà Nam với mức thu nhập ổn định là 9.000.000đ/tháng; chị cũng đang ở nhà của bố mẹ đẻ chị ở quê Mỹ Đức, Hà Nội; trong khi đó anh T không có công việc ổn định. Cháu T1 thì còn nhỏ, bản thân anh T có con riêng. Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, anh Chu Văn T là bị đơn trình bày: Anh và chị Đào Thị Thùy L qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Lâm năm 2019. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Cả hai luôn cố gắng vun vén để gia đình hạnh phúc. Xong gần đây vợ chồng chung sống không có niềm tin với chị L thường chửi anh có lần còn đánh anh. Nay chị L có đơn xin ly hôn. Quan điểm của anh: anh đồng ý ly hôn. Về con chung: có 01 con chung là Chu Yến T1 – sinh ngày 03/01/2021. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa giải quyết cho anh được quyền nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Vì, anh không muốn chị L nuôi con, bởi gia đình chị L chỉ cho tôi thăm gặp con mà không cho tôi đón đưa cháu với chị L bận đi làm công nhân; trong khi đó anh làm lao động tự do; anh cũng có thu nhập ổn định; có nhà riêng. Về tài sản, công nợ chung: anh cho rằng hiện tại chị L đang giữ 100.000.000 đồng; khi cưới thì gia đình đẻ chị L cho chị L 08 chỉ vàng 9999; gia đình anh cho anh 01 chỉ vàng. Vì vậy tài sản chung của hai vợ chồng là 09 chỉ vàng 9999 và 100.000.000đ; anh đề nghị Tòa chia đôi số tiền và số vàng. Số tiền 100.000.000đ, anh chỉ biết trước chị L ra Ngân hàng BIDV, cụ thể tên ngân hàng và địa chỉ ở đâu anh không nhớ. Tòa đã yêu cầu các cung cấp chứng cứ nhưng anh không thể cung cấp được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị Đào Thị Thùy L và anh Chu Văn T có mặt tại phiên tòa và không xuất trình tài liệu, chứng cứ nào khác.

+ Chị L có quan điểm, ý kiến: Chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh T, được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản, công nợ chung: có 09 chỉ vàng anh T đang giữ và 100.000.000 đồng nhưng chị đã chi tiêu sinh hoạt còn khoảng 50.000.000 đồng nên anh T sẽ được sử dụng số vàng là 09 chỉ vàng còn chị sẽ giữ 50.000.000 đồng. Vì vậy chị không đề nghị Tòa giải quyết về tài sản, công nợ chung.

+ Anh T có quan điểm, ý kiến: Anh đồng ý ly hôn. đề nghị Tòa giiar quyết cho anh được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Về tài sản, công nợ chung: có 09 chỉ vàng anh đang giữ và 100.000.000 đồng chị L giữ. Anh đồng ý với phương án là anh sẽ được sử dụng 09 chỉ vàng, số tiền chị L cầm 100.000.000 đồng là để chị L nuôi con. Vì vậy anh không đề nghị Tòa giải quyết về tài sản, công nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho chị Đào Thị Thùy L được ly hôn anh Chu Văn T. Về con chung, giao chị L là người trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chu Yến T1 – sinh ngày 03/01/2021; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có thay đổi khác; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai cản trở. Tài sản, công nợ chung: các đương sự không đề nghị Tòa giải quyết. Chị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ□ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Chị Đoàn Thị Thùy L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Chu Văn T. Do vậy, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Chu Văn T có đăng ký nơi cư trú: thôn Cống Khê, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về chứng cứ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và các tài liệu được công bố tại phiên tòa; các đương sự đều xác nhận các tài liệu giao nộp đầy đủ trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu chứng cứ nào khác cần bổ sung. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự cung cấp; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ. Do vậy, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Đào Thị Thùy L và anh Chu Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội ngày 12/12/2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì xảy ra muân thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, thiếu tộn trọng nhau. Vì nguyên nhân vậy nên cuộc sống hôn nhân của hai anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, không có trách nhiệm với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021

nhưng cuộc sống không cải T được. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: trước khi kết hôn với nhau, anh T đã có vợ và con riêng. Sau khi kết hôn, hai anh chị sinh sống và làm việc tại địa phương; anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn còn nguyên nhân chính thì địa phương không biết; hai anh chị đã sống ly thân mấy tháng; nay chị L có đơn ly hôn, chính quyền địa phương có ý kiến: đề nghị Tòa căn cứ vào thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Xét thấy: Cuộc sống giữa chị L và anh T mẫu thuẫn từ lâu đã đến mức trầm trọng, sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt; cả hai anh chị đều đề nghị Tòa giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đào Thị Thùy L và anh Chu Văn T có 01 con chung là cháu Chu Yến T1 – sinh ngày 03/01/2021. Chị L và anh T đều có quan điểm đề nghị Tòa giải quyết cho anh, chị được nuôi con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng.

Xét về đều kiện kinh tế, tính ổn định, môi trường sinh hoạt cũng như tuổi cháu thì Hội đồng xét xử thấy: chị L hiện tại đang ở cùng với bố mẹ đẻ, anh T có nhà riêng; chị L làm công nhân thu nhập trung bình 9.000.000 đồng/tháng; anh T thì làm lao động tự do: bán ga, sửa điện thoại, làm T1 trại; anh chị đều có chỗ ở, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên về điều kiện kinh tế và chỗ ở ngang nhau; đều có điều kiện để nuôi con. Xong hiện tại cháu T1 chưa được 36 tháng tuổi, cháu đang ở với chị L. Đồng thời chính quyền địa phương cũng có quan điểm đề nghị Tòa căn cứ thực tiễn và quy định pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi, sự phát triển của trẻ em cũng như quyền lợi người phụ nữ. Vì vậy, giao chị L nuôi cháu T1 là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L không đề nghị anh T cấp dưỡng tiền nuôi con nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có thay đổi khác; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: ngày 31/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội mở phiên họp về kiểm tra giao nộp và tiếp cận, công khai chứng cứ: chị L và anh T đều không có quan điểm ý kiến gì. Sau buổi phiên họp, anh T có trình bày hiện tại chị L đang giữ 100.000.000 đồng; khi cưới thì gia đình đẻ chị L cho chị L 08 chỉ vàng 9999; gia đình anh cho anh 01 chỉ vàng. Vì vậy tài sản chung của hai vợ chồng là 09 chỉ vàng (9999) và 100.000.000đ; anh đề nghị Tòa chia đôi số tiền và số vàng. Tại phiên tòa, chị L và anh T đều xác nhận tài sản chung là 100.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 9999; chị L đã chi tiêu sinh hoạt, hiện chỉ còn 50.000.000 đồng. Chị L là người quản lý số tiền, anh T là người quản lý số vàng. Cả hai thống nhất: chị L tiếp tục được quản lý, sử dụng số tiền 50.000.000 đồng để nuôi con, anh T được quản lý, sử dụng số vàng 09 chỉ vàng

(loại vàng 9999) nên không đề nghị Tòa giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Các yêu cầu đề nghị khác: Chị Đào Thị Thùy L và anh Chu Văn T không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đào Thị Thùy L phải nộp án phí ly hôn và các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014);

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sư;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Đào Thị Thùy L được ly hôn anh Chu Văn T.

2. Về con chung: Chị Đào Thị Thùy L và anh Chu Văn T có 01 con chung. Giao chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu: Chu Yến T1 – sinh ngày 30/01/2021; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có đề nghị thay đổi khác. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Đào Thị Thùy L và anh Chu Văn T thỏa thuận thống nhất với nhau và không đề nghị Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị Thùy L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0057371 ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn T